

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/8/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị B và anh Lê Văn V
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - * Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Lê Văn V tự nguyện thuận tình ly hôn.
 - * Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Lê Văn V có 03 con chung là cháu

Lê Thị Yến N, sinh ngày 20/7/2007; cháu Lê Thủy T, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 23/6/2014.

Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thủy T, sinh ngày 05/01/2012. Anh Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 20/7/2007 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 23/6/2014. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Phạm Thị B và anh Lê Văn V đều có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở

* Về tài sản và công nợ chung: Tài sản và công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014745 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Phạm Thị B được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng